

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành  
Công trình: Kè chống sạt lở Nam sông Lại Giang  
(đoạn từ kè cũ đến cầu Phao)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 194/TTr-STC ngày 10/5/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Kè chống sạt lở Nam sông Lại Giang (đoạn từ kè cũ đến cầu Phao).

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Hoài Nhơn.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt Dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 20/7/2015 đến ngày 14/02/2023.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Chi phí đầu tư:**

Đvt: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được duyệt</b>	<b>Giá trị quyết toán</b>
<b>Tổng số:</b>	<b>22.656.497.000</b>	<b>18.832.631.000</b>
<b>1. Chi phí bồi thường, GPMB:</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>699.830.000</b>
<b>2. Chi phí xây dựng:</b>	<b>17.601.538.000</b>	<b>16.190.831.000</b>
<b>3. Chi phí quản lý dự án:</b>	<b>468.521.000</b>	<b>413.524.000</b>
<b>4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:</b>	<b>1.340.800.000</b>	<b>1.155.432.000</b>
- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	51.160.000	49.625.000
- Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - thiết kế 2 bước	163.832.000	154.330.000
- Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	47.320.000	41.026.000
- Chi phí khảo sát địa hình, lập báo cáo KTKT	623.016.000	546.309.000
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT	49.158.000	0
- Chi phí giám sát thi công	406.314.000	364.142.000
<b>5. Chi phí khác:</b>	<b>853.859.000</b>	<b>373.014.000</b>
- Chi phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	3.541.000	3.540.000
- Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	1.005.000	1.005.000
- Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu	2.000.000	0
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	74.363.000	33.213.000
- Chi phí kiểm toán	134.047.000	234.844.000
- Chi phí bảo hiểm xây lắp	111.987.000	100.412.000
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	15.536.000	0
- Thuế khai thác tài nguyên-đất san lấp xây dựng công trình	6.421.000	0
- Phí bảo vệ môi trường khai thác tài nguyên	18.344.000	0
- Chi phí hạng mục chung	486.615.000	0
+ Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	243.307.000	0
+ Chi phí một số công tác khác không xác định được khối lượng từ thiết kế	243.308.000	0
<b>6. Chi phí dự phòng:</b>	<b>779.000</b>	<b>0</b>

**2. Nguồn vốn đầu tư:***DVT: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
	<b>Tổng số</b>	<b>22.565.497.000</b>	<b>18.832.631.000</b>	<b>18.466.193.000</b>	<b>366.438.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công:</b>			<b>18.466.193.000</b>		
<b>1.1</b>	Vốn ngân sách nhà nước:			18.466.193.000		
-	Vốn ngân sách tỉnh			14.923.000.000		
-	Vốn ngân sách thị xã			3.543.193.000		

**3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:***Dvt: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>18.832.631.000</b>	<b>18.832.631.000</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			18.832.631.000	18.832.631.000

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

**5. Vật tư, thiết bị tồn đọng:** Không.**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đvt: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	18.832.631.000	
Vốn từ Ngân sách nhà nước: Trong đó:	18.832.631.000	
1) Đã bố trí:	18.466.193.000	
- Vốn ngân sách tỉnh	14.923.000.000	
- Vốn ngân sách thị xã	3.543.193.000	
2) Số chưa bố trí:	366.438.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập Báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải trả: 366.438.000 đồng.

+ Chi phí xây lắp: 3.732.000 đồng;

+ Chi phí quản lý dự án: 44.199.000 đồng;

+ Chi phí tư vấn (Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: 16.758.000 đồng; Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - thiết kế 2 bước: 33.189.000 đồng): 49.947.000 đồng;

+ Chi phí khác (Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: 503.000 đồng; Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 33.213.000 đồng; Chi phí kiểm toán: 234.844.000 đồng): 268.560.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

ĐVT: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
UBND phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	18.832.631.000

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 *llk*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**